

# THỰC TRẠNG VẬN DỤNG QUAN ĐIỂM SỰ PHẠM TƯƠNG TÁC TRONG DẠY HỌC TẠI MỘT SỐ TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ Ở HÀ NỘI

ThS. TRẦN VĂN THẾ\*

Ngày nhận bài: 25/04/2016; ngày sửa chữa: 26/04/2016; ngày duyệt đăng: 29/04/2016.

**Abstract:** Interactive pedagogy has been studied and applied in education system of many countries and proved its effectiveness in improving quality of teaching. In Vietnam, this viewpoint has also been applied but not recognised fully by teachers. Therefore, the reality shows that the positive of students has not promoted and quality of education does not match with requirements of society. The situation of application this teaching method analysed in the article is basic for education managers to find out solutions to apply effectively this method at secondary schools to improve quality of education in line with education philosophy of the century.

**Keywords:** Interactive pedagogy, learning, secondary education.

**Q**uan điểm sự phạm tương tác (QĐSPTT) do 2 nhà giáo dục Jean-Marc Denomé và Madelenie Roy (Canada) xây dựng và phát triển. Theo tác giả, một trong những yếu tố nhằm nâng cao chất lượng dạy và học trong nhà trường là việc xác định bản chất của sự học, bản chất học tập tự nhiên của con người; đánh giá một cách đầy đủ vai trò của người dạy và người học, đặc biệt là sự tương tác sự phạm giữa hai nhân tố này trong một môi trường dạy học (DH) nhất định. Hiện nay, QĐSPTT đã được nghiên cứu tương đối nhiều ở Việt Nam, tuy nhiên việc vận dụng quan điểm này trong DH ở phổ thông còn nhiều hạn chế. Bài viết tìm hiểu thực trạng vận dụng QĐSPTT trong DH ở trường trung học cơ sở (THCS), làm căn cứ để đưa ra những hướng nghiên cứu tiếp theo.

Chúng tôi đã sử dụng các phương pháp nghiên cứu như: quan sát hoạt động dạy và học của giáo viên (GV), học sinh (HS), điều kiện dạy và học của họ; nghiên cứu sản phẩm của GV (kế hoạch, giáo án giảng dạy) và HS (vở ghi, kết quả xếp loại), điều tra (trò chuyện, phỏng vấn và trao đổi với GV và HS) tại một số trường THCS ở Hà Nội, bao gồm: *Vinh Tuy* (Hai Bà Trưng), *Tân Phú* (Quốc Oai), *Kiều Phú* (Quốc Oai), *Cao Dương* (Thanh Oai), *Vinh Quỳnh* (Thanh Trì). Nghiên cứu được tiến hành vào tháng 5/2013.

## 1. Sự hiểu biết của GV về QĐSPTT

Để tìm hiểu thực trạng hiểu biết của GV về QĐSPTT

và việc vận dụng quan điểm này trong tổ chức DH ở trường THCS, chúng tôi nêu giả thuyết: QĐSPTT chưa được nhận thức đầy đủ và chưa được vận dụng phổ biến trong quá trình DH ở trường THCS; từ đó đưa ra những nội dung triển khai điều tra bằng các câu hỏi. Kết quả thu được như sau (bảng 1):

Bảng 1. Kết quả hiểu biết của GV về QĐSPTT

Câu	Nội dung vấn đề	Số lượng	Tỉ lệ (%)
1	<b>Thầy/cô đã từng nghe đến "QĐSPTT" chưa?</b>		
	A. Chưa từng nghe.....	85	58,55
	B. Đã từng nghe.....	33	26,61
	C. Nghe nhiều.....	6	4,84
2	<b>Thầy/cô quan niệm thế nào là "Sự phạm tương tác"?</b>		
	A. Là việc DH phát huy tính tích cực của HS.....	25	20,16
	B. Là hoạt động của GV và HS.....	14	11,29
	C. Là hoạt động có sự tương tác giữa người dạy và người học.....	53	42,74
	D. Là hoạt động DH đánh giá mối quan hệ qua lại giữa người dạy - người học - môi trường.....	32	25,81
3	<b>Mục tiêu của "QĐSPTT" là:</b>		
	A. Phát triển nhận thức của người học.....	39	31,45
	B. Phát triển quan hệ của người dạy và người học.....	51	41,13
	C. Phát triển môi trường học tập.....	11	8,87
	D. Phát triển môi trường và điều kiện cho hoạt động của người học.....	23	18,55
4	<b>Những khái niệm nền tảng của "QĐSPTT" là:</b>		
	A. Nội dung DH.....	119	95,97
	B. Phương pháp dạy học (PPDH).....	121	97,58
	C. Phương tiện DH.....	103	83,06
	D. Môi trường DH.....	67	54,03
	E. Kết quả DH.....	96	77,42
	F. Hoạt động học.....	124	100
	G. Hoạt động dạy.....	124	100

Bảng 1 cho thấy, hầu hết GV chưa từng nghe đến "QĐSPTT" (58,55%), một số ít đã từng nghe (26,61%). Điều đó chứng tỏ, quan điểm này chưa được vận dụng phổ biến trong DH. Trong số các GV đã từng nghe đến quan điểm này thì nguồn thông tin chủ yếu cung cấp là qua Internet, sách, báo, tạp chí hoặc qua các hội thảo chuyên đề, tập huấn.

\* Trường Cao đẳng Sư phạm Hà Tây

Về mục tiêu của QĐSPPT: GV có ý kiến với hầu hết các mục tiêu đã được liệt kê. Tuy nhiên, hai mục tiêu được lựa chọn nhiều nhất là *phát triển nhận thức của người học và phát triển quan hệ của người dạy và người học*; một số ít lựa chọn mục tiêu phát triển môi trường học tập và phát triển môi trường và điều kiện cho hoạt động của người học. Điều này hoàn toàn phù hợp với tỉ lệ thống kê ở *câu hỏi 1 và 2* khi đa số GV chưa từng nghe và hiểu QĐSPPT là gì. Các mục tiêu của QĐSPPT được liệt kê trong bảng hỏi không có quan hệ thứ bậc mà chủ yếu có quan hệ về mặt chức năng; xét về phương diện này thì mục tiêu được quan tâm hàng đầu là phát triển môi trường và điều kiện cho hoạt động của người học. Khi thực hiện mục tiêu này, người học được tích cực hóa và các hoạt động được người dạy tạo dựng cũng chính là môi trường hoạt động của người học.

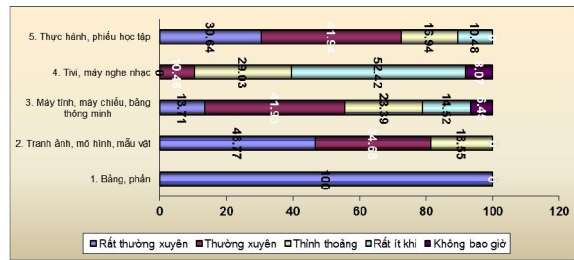
Về việc xác định các khái niệm nền tảng của QĐSPPT: 100% GV được hỏi đều xác định được hai khái niệm nền tảng là *hoạt động dạy và hoạt động học* (có thể đây là những khái niệm quen thuộc, thường được sử dụng khi GV tổ chức quá trình DH), chỉ có 67/124 GV (54,03%) xác định được khái niệm *môi trường DH*. Các khái niệm không phải là những khái niệm nền tảng của QĐSPPT như *nội dung dạy học, PPDH, kết quả DH* được xác định với ý kiến rất cao (xấp xỉ 100%). Kết quả này phù hợp với nhận thức của GV về các thành tố cấu trúc của quá trình DH.

## 2. Phương tiện dạy học (PTDH) đáp ứng quá trình DH theo QĐSPPT

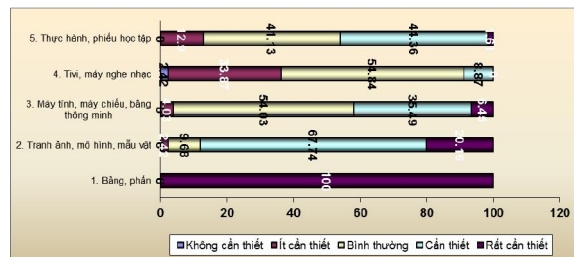
Để đánh giá thực trạng sử dụng PTDH ở các trường THCS hiện nay, chúng tôi đã tiến hành điều tra, khảo sát trên đối tượng GV về mức độ sử dụng và đánh giá mức độ cần thiết của các PTDH. Kết quả được thống kê ở *bảng 2 và biểu đồ 1, 2*:

*Bảng 2. Mức độ sử dụng và cần thiết của PTDH*

Mức độ sử dụng (Tỉ lệ %)					PTDH	Mức độ cần thiết (Tỉ lệ %)				
Rất thường xuyên	Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Rất ít khi	Không bao giờ		Không cần thiết	Ít cần thiết	Bình thường	Cần thiết	Rất cần thiết
100	0	0	0	0	1. Bảng, phấn	0	0	0	0	100
46,77	34,68	18,55	0	0	2. Tranh ảnh, mô hình, mẫu vật	0	2,42	9,68	67,74	20,16
13,71	41,93	23,39	14,52	6,45	3. Máy tính, máy chiếu, bảng thông minh	0	4,03	54,03	35,49	6,45
0	10,48	29,03	52,42	8,07	4. Tivi, máy nghe nhạc	2,42	33,87	54,84	8,87	0
30,64	41,94	16,94	10,48	0	5. Thực hành, phiếu học tập	0	12,9	41,13	44,36	1,61



*Biểu đồ 1. Tỉ lệ % mức độ sử dụng các PTDH trong DH ở trường THCS*



*Biểu đồ 2. Tỉ lệ % mức độ cần thiết của PTDH trong DH ở trường THCS*

Kết quả khảo sát cho thấy, việc sử dụng máy tính và các bài giảng điện tử khá phổ biến trong DH hiện nay. Như vậy, việc sử dụng bài giảng điện tử trong các tiết học đã được GV quan tâm và đầu tư. Bài giảng điện tử không chỉ dùng để trình diễn trong các tiết dự giờ mà đã được sử dụng hàng ngày trong quá trình DH; điều này góp phần nâng cao hứng thú học cho HS, đồng thời giúp các em làm quen dần với các phương tiện hiện đại. Tuy nhiên, do chưa biểu rõ về bản chất thực sự của bài giảng điện tử nên nhiều GV biến nó thành một bài trình chiếu “nhìn - chép”, làm giảm tính khoa học và hiệu quả sư phạm của bài giảng. Việc sử dụng phương tiện này trong DH vẫn chỉ tập trung ở đa số GV trẻ. Mặt khác, qua phỏng vấn chúng tôi nhận thấy, việc sử dụng bảng thông minh vẫn còn hạn chế. Thực trạng này chủ yếu xuất phát từ điều kiện thực tế là nhiều trường chưa được trang bị nên GV chưa được tiếp cận và sử dụng.

Việc sử dụng các PTDH truyền thống như: bảng, phấn, tranh ảnh, mô hình... vẫn được ưu tiên hàng đầu. Điều đó cho thấy tính phổ biến của loại PTDH này và đặc biệt GV có ý thức về tầm quan trọng của chúng trong quá trình giảng dạy.

Qua khảo sát, chúng tôi cũng nhận thấy, các trang thiết bị như tranh ảnh, mô hình ở các trường tương đối nhiều nhưng cũng chưa thực sự phù hợp với nội dung DH và ý đồ DH của GV nên họ

thường tự làm đồ dùng DH. Đặc biệt, các thiết bị thí nghiệm đã cũ, xuống cấp do lâu ngày không được sử dụng, do đó GV phải mất nhiều thời gian chuẩn bị. Đây là một yếu tố không nhỏ cản trở việc sử dụng các PPDH mới trong nhà trường THCS.

Nhìn chung, hiện nay, GV đã có nhận thức đúng đắn về vai trò của PTDH, đồng thời chủ động tìm hiểu và lựa chọn các PTDH trong quá trình giảng dạy. Tuy nhiên, để việc sử dụng PTDH và ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy đạt hiệu quả cao thì bản thân GV phải có trình độ phù hợp và cần có sự quan tâm đầu tư đúng mức về cơ sở vật chất. Có như vậy, việc sử dụng PTDH mới không trở thành hình thức và lãng phí.

### 3. Việc sử dụng các PPDH và kĩ thuật DH của GV (bảng 3)

Bảng 3. Mức độ sử dụng của các PPDH và kĩ thuật DH

TT	PPDH	Mức độ sử dụng				
		Rất thường xuyên	Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Rất ít khi	Không bao giờ
		Tỉ lệ (%)				
1	Thuyết trình	29,03	59,68	11,29	0	0
2	Trực quan	18,55	41,13	40,32	0	0
3	Vấn đáp	71,77	20,97	7,26	0	0
4	Thực hành, thí nghiệm	0	11,29	54,03	34,68	0
5	Nêu và giải quyết vấn đề	20,97	57,26	21,77	0	0
6	Thảo luận nhóm	25,00	58,87	16,13	0	0
7	DH tình huống	0	23,39	35,48	21,77	19,36
8	DH theo hợp đồng	0	7,26	18,55	36,29	37,90
9	Tham quan thực tế	0	0	9,68	29,84	60,48
10	DH theo dự án	0	13,71	20,16	30,65	35,48
11	Động não	8,87	16,94	29,03	19,35	25,81
12	Đóng vai	0	11,29	29,03	15,32	44,36
13	Khăn trải bàn	3,23	16,94	35,48	15,32	29,03
14	Mảnh ghép	2,42	20,97	27,42	31,45	17,74
15	Công đoạn	0	0	18,55	41,93	39,52
16	Sơ đồ tư duy	7,26	13,71	30,65	21,77	26,61
17	Bể cá	1,61	6,45	42,74	10,49	38,71
18	Ô bi	2,42	8,87	19,36	15,32	54,03
19	XYZ	4,84	11,29	26,61	22,58	34,68
20	KWL	0	7,26	20,16	27,42	45,16
21	Tia chớp	1,61	12,90	23,39	29,84	32,26
22	Phòng tranh	0	7,26	10,48	33,07	49,19
23	Trò chơi	0,81	18,55	30,65	37,90	12,09
	Tỉ lệ trung bình (%)	8,63	19,39	25,14	20,65	26,19

Bảng 3 cho thấy, hầu hết GV đều sử dụng đa dạng các PPDH trong quá trình giảng dạy, trong đó các phương pháp được sử dụng nhiều nhất là vấn đáp, thuyết trình, trực quan, nêu và giải quyết vấn đề, làm việc nhóm. Tuy nhiên, các PPDH và kĩ thuật DH hiện đại ít được sử dụng, chỉ tập trung sử dụng bởi các GV trẻ.

Chúng tôi tiếp tục đặt câu hỏi nhằm tìm hiểu biện pháp nâng cao hiệu quả DH bộ môn của GV THCS, kết quả thu được như sau (bảng 4):

Bảng 4. Kết quả GV sử dụng các biện pháp nâng cao hiệu quả DH bộ môn

Thầy/cô đã sử dụng các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả DH bộ môn như thế nào?	Mức độ sử dụng (%)		
	Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Không sử dụng
1. Chọn cách vào bài gợi mở, tạo tình huống có vấn đề	36,3	61,3	2,4
2. Sử dụng sự hỗ trợ của công nghệ thông tin, PTDH hiện đại	16,9	82,3	0,8
3. Tăng cường lồng ghép các kiến thức thực tế	23,4	73,4	3,2
4. Tích cực sử dụng các PPDH mới	13,7	83,9	2,4
5. Yêu cầu HS tự tìm hiểu những kiến thức thực tế	41,9	58,1	0
6. Đổi mới các hình thức kiểm tra, đánh giá	27,4	72,6	0

Bảng 4 cho thấy, tuy đã sử dụng những biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả DH nhưng phần lớn GV đã tự nhận là không thường xuyên. Chính điều này cũng ảnh hưởng đến thói quen học tập tích cực, chủ động đối với bộ môn của HS.

Như vậy, việc lựa chọn các PPDH của GV và tính tích cực của HS khi tham gia vào mỗi PPDH không có sự tương hợp. Nhóm các PPDH dùng lời được các GV lựa chọn sử dụng nhiều nhất như: thuyết trình, vấn đáp, trực quan. Ngược lại, các PPDH phát huy được tính cực của người học lại ít được GV sử dụng như: thảo luận nhóm, thực hành thí nghiệm, dạy học dự án... GV thường xuyên sử dụng các PTDH truyền thống, còn các PTDH hiện đại tự thiết kế hay các phương tiện nghe, nhìn (tivi, radio, đầu video, máy nghe nhạc,...) thì ít được GV sử dụng.

\*\*\*

Kết quả điều tra thực tiễn cho thấy, nhận thức của GV về việc đổi mới PPDH, việc sử dụng các PPDH, kĩ thuật DH hiện đại; đặc biệt, nhận thức về QĐSPTT còn chưa đầy đủ, sâu sắc và khả năng vận dụng quan điểm này trong quá trình DH còn hạn chế. GV đã quan tâm chuẩn bị chu đáo các yếu tố cơ bản của quá trình DH, tuy nhiên, các yếu tố liên quan đến người học, môi trường DH chưa được GV quan tâm nhiều. Vì vậy, tìm hiểu, nghiên cứu và vận dụng QĐSPTT vào DH ở trường THCS hiện nay là cần thiết nhằm hướng tới mục tiêu của triết lí giáo dục trong thế kỉ XXI là "Học để biết, Học để làm, Học để tồn tại và Học để chung sống". □

#### Tài liệu tham khảo

[1] Phó Đức Hòa - Ngô Quang Sơn (2011). *Phương pháp và công nghệ dạy học trong môi trường sư phạm tương tác*. NXB Đại học Sư phạm.

(Xem tiếp trang 160)

hiện quy trình RLNVSP cho SV ngành SP Hoá - Sinh. Chúng tôi thông qua các bước của việc thực hiện hoạt động DH với SV, đã tiến hành hình thành cho SV một cách đồng bộ các KN SP cơ bản như: KN thiết kế bài giảng, KN thực hiện và KN đánh giá kết quả thực hiện các hoạt động DH môn Hoá học cho các em lứa tuổi THCS. Trong quy trình RLNVSP, các KN này được cụ thể hoá đối với từng hoạt động giảng dạy về các nội dung kiến thức khác nhau, trở thành tập hợp các mục tiêu RLNVSP cho SV, vừa là những chuẩn của quá trình luyện tập và là những tiêu chí để đánh giá kết quả RLNVSP cho SV. Kết quả đáng ghi nhận là trong các học trình RLNVSP thường xuyên 100% SV đạt điểm từ khá trở lên, có ý thức tham gia hoạt động, tập luyện nhiệt tình để tích lũy vốn kiến thức cũng như kinh nghiệm, nghiệp vụ SP. Còn khi đi TTSP ở trường phổ thông kết quả ghi nhận ở lớp K17 Hoá - Sinh: 3/29 SV đạt loại xuất sắc chiếm 10,34%; 18/29 SV đạt loại giỏi chiếm 62,07 %; 8/29 SV đạt loại khá chiếm 27,59%. Như vậy, tất cả những việc làm trên của tập thể cán bộ, giảng viên và SV Khoa Tự nhiên, Trường CĐSP Điện Biên đã cơ bản góp phần đắc lực trong việc đào tạo đội ngũ GV THCS có chất lượng cao (xem hình).



Một số hình ảnh RLNVSP thường xuyên cho SV, Trường CĐSP Điện Biên

### 3. Kết luận

Hoạt động RLNVSP tại Trường CĐSP Điện Biên được tổ chức theo các biện pháp trình bày ở trên đã thu được các kết quả bước đầu quan trọng, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo nói chung theo chuẩn đầu ra. Các biện pháp đưa ra cần tiếp tục được thực hiện, điều chỉnh để phù hợp với yêu cầu đào tạo nghề, yêu cầu của xã hội nói chung, yêu cầu đào tạo của khu vực miền núi phía bắc nói riêng. □

### Tài liệu tham khảo

- [1] Nguyễn Đình Chính - Phạm Trung Thanh (1998). *Kiến tập và thực tập sư phạm*. NXB Giáo dục.
- [2] Nguyễn Hữu Dũng (2004). *Hình thành kỹ năng sư phạm cho sinh viên sư phạm*. NXB Đại học Sư phạm.
- [3] Trần Bá Hoàn (2000). *Định hướng tích hợp đào tạo chuyên môn và nghiệp vụ trong các giáo trình Đại học sư phạm*. Tạp chí Nghiên cứu Giáo dục, số 11, tr 56.
- [4] Phạm Minh Hùng (2009). *Rèn luyện kỹ năng nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên - thực trạng và giải pháp*. Tạp chí Giáo dục, số 211, tr 61.
- [5] Nguyễn Văn Hạnh - Nguyễn Hữu Hợp (2015). *Quy trình thực tập sư phạm dựa vào chuẩn trong đào tạo giáo viên*. Tạp chí Khoa học - Đại học Quốc gia Hà Nội: nghiên cứu giáo dục, tập 31, số 3, tr 42-49.
- [6] Phan Quốc Lâm (2007). *Xây dựng nội dung, quy trình hình thành kỹ năng sư phạm theo chuẩn nghề nghiệp cho sinh viên ngành giáo dục tiểu học qua hoạt động rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên*. Đề tài Khoa học công nghệ trọng điểm cấp Bộ, Trường Đại học Vinh.
- [7] Vũ Thị Thanh Tâm (2014). *Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm - Vấn đề không thể thiếu trong đào tạo nghề Giáo viên*. Kỷ yếu Hội thảo khoa học: “Nâng cao chất lượng rèn luyện nghiệp vụ cho sinh viên Khoa Tự nhiên” tháng 2/2014. Tổ chức ở Trường Cao đẳng Sư phạm Điện Biên, tr 23-28.
- [8] Phạm Trung Thanh (chủ biên) (2008). *Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên*. NXB Đại học Sư Phạm.
- [9] Lê Tùng, Phạm Ánh Tuyết (2016). *Một số giải pháp nâng cao chất lượng rèn luyện nghiệp vụ sư phạm đáp ứng nhu cầu về nguồn nhân lực cho sinh viên Trường Cao đẳng Sư phạm Điện Biên*. Kỷ yếu Hội thảo khoa học tháng 4/2016, Trường Cao đẳng Sư phạm Điện Biên, tr 2-8.

## Thực trạng vận dụng quan điểm...

(Tiếp theo trang 150)

- [2] Đặng Thành Hưng (2006). *Tương tác hoạt động Thầy - Trò trên lớp học*. NXB Giáo dục.
- [3] Đỗ Thế Hưng (2015). *Dạy học theo tiếp cận “CDIO” trong đào tạo giáo viên kỹ thuật trình độ đại học*. Luận án tiến sĩ. Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam.
- [4] Madeleine Roy, Jean-Marc Denomme (2009) - Trịnh Văn Minh - Đặng Hoàng Minh - Nguyễn Chí Thành dịch, Nguyễn Thị Mỹ Lộc hiệu đính. *Sư phạm tương tác - một tiếp cận khoa học thần kinh về học và dạy*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [5] Phạm Quang Tiệp (2013). *Dạy học dựa vào tương tác trong đào tạo giáo viên tiểu học trình độ đại học*. Luận án tiến sĩ. Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam.